

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-ST  
Ngày: 31-3-2021  
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thu Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Hùng;
2. Ông Trần Công Mẫn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1925 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp CL, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:**

1. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1975 (có mặt);

2. Chị Đỗ Thị Tr, sinh năm 1975 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp LH, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:* Vào năm 2018 và năm 2019. Ông có tham gia 03 phân hụi của chị Tr và anh V nhưng không có làm giấy tờ do là bà con ruột thịt nên tin tưởng. Tham gia các dây hụi gồm:

Hụi 3.000.000 đồng, 17 người chết là 51.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng, 5 người chết là 8.000.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng, 26 người chết là 26.000.000 đồng.

Tiền cho mượn là 10.000.000 đồng.

Tổng cộng là 95.000.000 đồng. Hiện nay các dây hụi đã mãn, ông đã đòi nhiều lần nhưng anh V và chị Tr không trả. Nay ông yêu cầu anh V và chị Tr trả cho ông 95.000.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn chị Đỗ Thị Tr trình bày:* Vào năm 2018 -2019, ông T có tham gia của chị 03 phần hụi:

Hụi 3.000.000 đồng, 17 người chết là 51.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng, vô được 03 tháng đình là 6.000.000 đồng nhưng ông T có lấy Lúa của chị để cản trừ số tiền 2.500.000 đồng nên chị còn nợ lại 3.500.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng, 30 người chết (trừ đi ông T nên còn 29 người) là 29.000.000 đồng.

Ngoài ra chị có mượn của ông T số tiền 20.000.000 đồng, ngày mượn thì chị không nhớ nhưng chị đã trả cho ông T được 10.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 10.000.000 đồng.

Do là bà con ruột nên giữa chị và ông T không có làm biên nhận. Hiện nay chị còn nợ ông T tổng cộng là 93.500.000 đồng. Chị đồng ý trả số nợ trên cho ông T nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, 03 tháng trả 01 lần cho đến khi hết nợ.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Phạm Văn V trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Tr và đồng ý cùng chị Tr trả cho ông T 93.500.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, 03 tháng trả 01 lần cho đến khi hết nợ.

**\* Tại phiên hòa giải ngày 20/01/2021 và tại phiên tòa:** Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền hụi và vay chị Tr, anh V còn nợ ông T là 93.500.000 đồng.

- Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 93.500.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh hiện nay khó khăn, xin trả mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng, 03 tháng trả 01 lần cho đến khi hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn kiện bị đơn có nơi cư trú ấp LH, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang, về tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất nội dung vụ kiện: Do thời gian trước đây ông T có tham gia nhiều dây hụi do bà Tr làm chủ hụi. Sau khi hụi mãn bà Tr không có tiền giao lại cho ông T, ngoài ra ông T còn có cho vợ chồng bà Tr và ông V vay số tiền là 10.000.000 đồng, từ đó hai bên có thống nhất hiện tại vợ chồng bà Tr và ông V còn nợ ông T tổng số tiền là 93.500.000 đồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Tr và ông V trả cho ông số nợ 93.500.000 đồng, thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Vợ chồng bà Tr và ông V đồng ý trả cho ông T số tiền nợ là 93.500.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh như sau *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Đối chiếu với quy định trên việc ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tổng cộng 93.500.000 đồng. Mặc dù nguyên đơn không có biên nhận hay giấy tờ chứng minh nhưng được phía bị đơn thừa nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về thời gian và phương thức trả nợ: Bị đơn có yêu cầu được trả dần số nợ trên bằng hình thức trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận. Xét thấy việc kéo dài thời gian trả nợ sẽ thiệt thòi quyền lợi nguyên đơn. Mặc khác, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên yêu cầu của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

- Bị đơn phải chịu 4.675.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.**

Buộc chị Đỗ Thị Tr và anh Phạm Văn V có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn T số tiền 93.500.000 (Chín mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Đỗ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đỗ Thị Tr và anh Phạm Văn V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng chị Tr và anh V còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**Về án phí sơ thẩm:**

- Chị Đỗ Thị Tr và anh Phạm Văn V phải chịu 4.675.000 (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Võ Thị Thu Thúy**